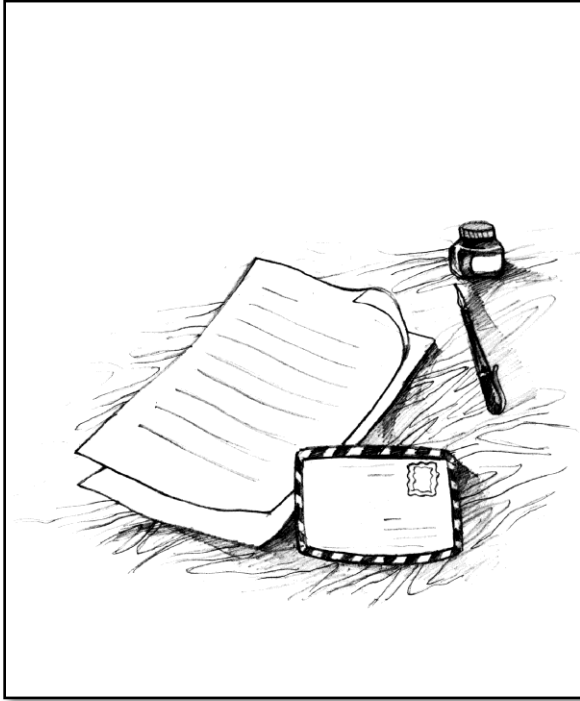


Bài 6: Một Nụ Cười

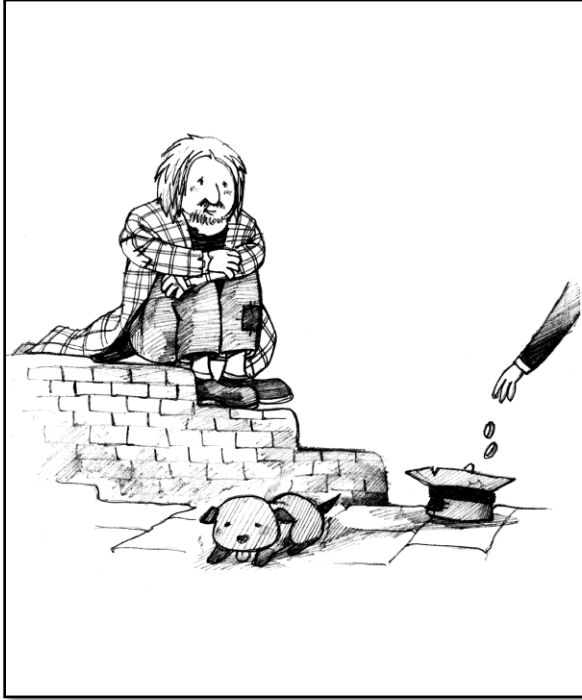
Thứ Hai: Tập Đọc



Cô gái cười với một người xa lạ đang râu rĩ. Nụ cười làm cho anh ta cảm thấy phần chân hơn. Anh nhớ đến sự tử tế của một người bạn cũ và viết cho người ấy một lá thư cảm ơn.

Người bạn này vui sướng vì nhận được thư của người bạn cũ lâu ngày không gặp. Sau bữa trưa anh boia một món tiền lớn cho chị hầu bàn. Chị hầu bàn ngạc nhiên vì món tiền boia quá lớn, đã quyết định mang tất cả đi mua xổ số. Cô trúng số.





Ngày hôm sau chị đi nhận giải và cho một người ăn mày trên phố một ít tiền lẻ. Người ăn mày rất biết ơn vì đã hai ngày anh ta chẳng được ăn gì. Sau bữa tối anh ta trở về căn phòng tối tăm của mình. Trên đường về, anh ta thấy một chú chó con đang rét run cầm cập. Anh mang nó về để sưởi ấm cho nó. Chú chó rất vui mừng vì được cứu khỏi cơn bão tuyết sắp đến gần.

Đêm ấy, trong khi mọi người đang ngủ say thì ngôi nhà bốc cháy, chú chó con sủa ráo riết. Chú sủa cho đến khi đánh thức tất cả mọi người trong nhà dậy và cứu họ thoát chết. Một trong những chú bé được cứu thoát đêm ấy sau này trở thành bác sĩ tìm ra một loại vắc-xin chữa khỏi một căn bệnh vô cùng nguy hiểm cho loài người. Tất cả là nhờ một nụ cười.



Chú Thích

Rầu rĩ:	<i>melancholy, sad</i>	Phấn chấn:	<i>spirited, enthusiastic</i>
Tử tế:	<i>decent, kind</i>	Boa:	<i>tip</i>
Ngạc nhiên:	<i>surprised</i>	Tối tăm:	<i>dark, gloomy</i>

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Nụ cười của cô gái có ảnh hưởng gì đến người đang rầu rĩ?

2. Người đó đã làm gì?

3. Sau khi trúng số, chị hậu bàn đã làm gì để giúp người ăn mày?

4. Khi thấy con chó người ăn mày đã làm gì?

5. Chú chó cứu những người trong ngôi nhà cháy bằng cách nào?

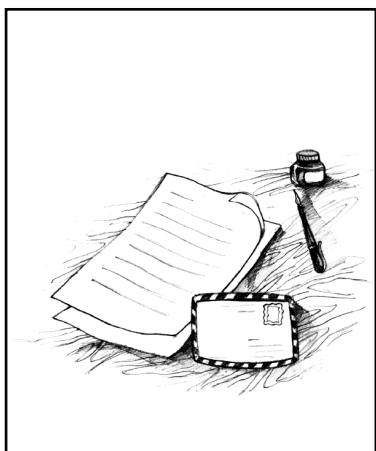
Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn nghĩa thích hợp những từ sau.)

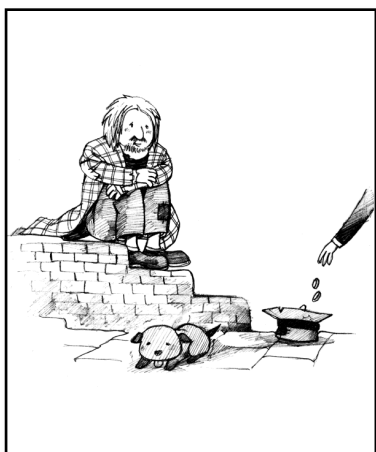
- _____ 1. Cô gái cười với một người **xa lạ** đang râu rĩ. Từ “**xa lạ**” có nghĩa là:
- a. *Không hề quen.* b. *Ở xa.* c. *Quen.*
- _____ 2. Nụ cười làm cho anh ta cảm thấy **phấn chấn** hơn. Từ “**phấn chấn**” có nghĩa là:
- a. *Buồn rầu.* b. *Mất tinh thần.* c. *Vui vẻ, hứng khởi.*
- _____ 3. Anh nhớ đến sự **tử tế** của một người bạn cũ và viết cho người ấy một lá thư cảm ơn. Từ “**tử tế**” có nghĩa là:
- a. *Tệ bạc, đối xử thiếu tình nghĩa.* b. *Thờ ơ, không quan tâm.* c. *Tốt bụng, đối xử đàng hoàng.*
- _____ 4. Sau bữa trưa anh **boa** một món tiền lớn cho chị hầu bàn. Từ “**boa**” có nghĩa là:
- a. *Phạt vì đã phục vụ không chu đáo.* b. *Thưởng vì đã phục vụ tốt.* c. *Trả tiền cho bữa ăn.*
- _____ 5. Chị hầu bàn **ngạc nhiên** vì món tiền boa quá lớn, đã quyết định mang tất cả đi mua xổ số. Từ “**ngạc nhiên**” có nghĩa là:
- a. *Lấy làm lạ.* b. *Quen thuộc.* c. *Xa lạ.*
- _____ 6. Đêm ấy, trong khi mọi người đang ngủ say thì ngôi nhà bốc cháy, chú chó con sủa **ráo riết**. Từ “**ráo riết**” có nghĩa là:
- a. *Liên tục và khản trương.* b. *Nhỏ nhẹ.* c. *Từ từ.*

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)



Anh nhớ đến sự tu tề của một người bạn cũ và viết cho người ấy một lá thư cảm ơn.



Người ăn may rất biết ơn vì đã hai ngày anh ta chẳng được ăn gì.



Chu sửa cho đèn khi danh thục tất cả mọi người trong nhà dạy và cứu họ thoát chết.

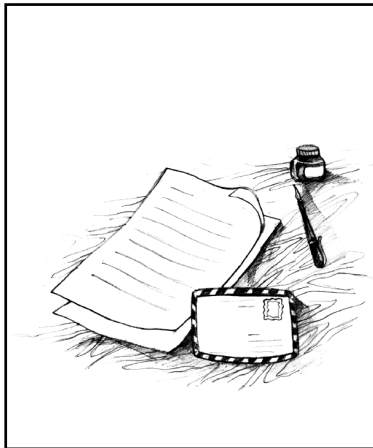
Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)



Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-6 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)



Nụ cười làm cho anh ta cảm thái phần chán hơn. (3 lỗi)

Đêm ấy, trong khi mọi người đang ngủ sai thì ngôi nhà bốc cháy, chú chó con sủa ráo riết. (3 lỗi)



Thứ Năm: Văn Phạm – Mệnh Đề

(Hãy cho biết những mệnh đề sau là mệnh đề chính hay mệnh đề phụ. Nếu là mệnh đề phụ, dùng mệnh đề phụ đó viết thành một câu hoàn chỉnh.)

1. Trong buổi thi đồ vui cuối năm.

2. Trí đoan chắc rằng đội mình sẽ đoạt giải nhất.

3. Trên chiếc bàn học cũ kỹ đã tróc sơn.

4. Vy đang cặm cụi viết nắn nót từng hàng chữ.

5. Từ khi bố mua chiếc xe hơi mới.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Nhắc:	<i>remind</i>	Món quà đùa:	<i>gag gift</i>
Tuyệt vời:	<i>marvelous</i>	Truyền thống:	<i>tradition</i>

Cường có tính hay quên, mà Ngày Hiền Phụ thì sắp đến. Cũng may có Hoàng nhắc đến chuyện này...

Hoàng: Tôi phải có một món quà cho bố tôi nhân Ngày Hiền Phụ.

I've got to get my dad a Father's Day gift.

Cường: Anh nhắc tôi mới nhớ. Cảm ơn anh nhiều, tôi năm nào cũng quên.

Thanks for reminding me. Every year, I always forget.

Hoàng: Năm nay tôi sẽ tặng bố tôi một món quà đùa.

This year I'm going to get him a gag gift.

Cường: Hay quá! Đó là ý nghĩ tuyệt vời. Mà anh đang nghĩ cái gì trong đầu vậy?

Cool! That's a marvelous idea. What do you have in mind?

Hoàng: Thật sự ra, gia đình tôi có một truyền thống là...

Well, we have a tradition in my family...

Cường: Đừng nói với tôi là anh sẽ mua những đôi vớ nhé.

Don't tell me that you going to buy socks.



Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Shirt:	<i>áo sơ-mi</i>	Stripes:	<i>sọc</i>
Tie:	<i>ca-vát</i>	Match:	<i>hợp với</i>

Do you like the shirt I bought for dad?

The color is pretty, but the stripes are too big.

Does the tie match the shirt?

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ **Ngày** _____

